PHỤ LỤC 1: THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP NĂM 2026, KẾ HOẠCH NĂM 2027

(Kèm theo Báo cáo số 707/BC-UBND ngày 17/11/2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026			So sánh		Dự kiến năm 2027		Ghi chú
				Kế hoạch	Đến tháng11/2026	Ước thực hiện năm 2026	Ước thực hiện năm 2026/năm 2025 (%)	Ước thực hiện năm 2026/ Kế hoạch 2026 (%)	Kế hoạch	So với KH 2026 (%)	
	Lâm nghiệp										
	- Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	9.841,45	9.841,45	9.841,45	9.841,45	100	100	9.841,45	100	
	Trong đó: + Rừng tự nhiên	"	4.298,34	4.298,34	4.298,34	4.298,34			4.298,34		
	+ Rừng trồng	"	5.543,11	5.543,11	5.543,11	5.543,11			5.543,11		
	Rừng trồng (đã thành rừng)		*3.129,16*	*3.129,16*	*3.129,16*	*3.129,16*			*3.129,16*		
	Rừng trồng (chưa thành rừng)		2.413,95	2.413,95	2.413,95	2.413,95			2.413,95		
	* *Diện tích rừng trong Quy hoạch 03 loại rừng*	Ha	8.693,59	8.712,75	8.712,75	8.712,75	100	100	8.712,75	100,00	
	Trong đó:+ Rừng phòng hộ	"	4.186,22	4.189,26	4.189,26	4.189,26	100	100	4.189,26	100,00	
	+ *Rừng sản xuất*	"	4.507,37	4.523,49	4.523,49	4.523,49	100	100	4.523,49	100,00	
	+ *Rừng đặc dụng*	"									
	- Quản lý bảo vệ rừng	Ha									
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha									
	- Trồng mới rừng tập trung	Ha									
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ và đặc dụng	"									
	+ Trồng rừng sản xuất	"	1.140,00	1.228,00	1.244,26	1.248	101	940,00	970,00	75,55	
	- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn)	m3	102.600,00	110.520,00	111.983,40	112.351,50		84.600,00	87.300,00		
	- Trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng	Ha									
	Trong đó: Diện tích trồng mới										
	- Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	66	68		68			68		